

Số: 1016 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện An Lão
đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về phân loại đô thị; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 319-KL/TU ngày 31/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Văn bản số 1013/UBND-KT ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện An Lão đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 61/TTr-SXD ngày 22/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Lão đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi ranh giới quy hoạch: Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của huyện, gồm thị trấn An Lão và 09 xã (An Dũng, An Hòa, An Hưng, An Nghĩa, An Quang, An Tân, An Toàn, An Trung, An Vinh). Có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Phía Nam giáp: Huyện Hoài Ân và huyện Vĩnh Thạnh;
- Phía Đông giáp: Thị xã Hoài Nhơn;
- Phía Tây giáp: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai và huyện Vĩnh Thạnh.

b) Quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 696,88 km².
- Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2035; tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

3. Mục tiêu, tính chất, chức năng quy hoạch:

- Cụ thể hóa đề án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh; các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn với quá trình đô thị hóa.

- Xác định cụ thể các vùng động lực phát triển, mô hình phát triển không gian vùng; định hướng tổ chức không gian hệ thống đô thị, phát triển dân cư, phân

loại, phân cấp đô thị và xác định tính chất của từng đô thị; đảm bảo phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đô thị và nông thôn mới trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của địa phương.

- Là vùng phát triển kinh tế nông nghiệp, chế biến ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch sinh thái.

- Làm cơ sở để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và các dự án có liên quan.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

- Dự báo phát triển dân số: Dân số hiện trạng khu vực khoảng 28.106 người; đến năm 2025 đạt khoảng 29.000 người; đến năm 2035 đạt khoảng 34.300 người.

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa: Đến 2025 khoảng 52,3%; đến 2035 khoảng 55,4%.

- Dự báo đất xây dựng: Đến năm 2025, đất xây dựng đô thị khoảng 350ha, đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 900ha; đến năm 2035, đất xây dựng đô thị khoảng 540ha, đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 950ha.

5. Định hướng phát triển không gian vùng:

5.1. Phân vùng phát triển kinh tế:

- Phân vùng I: Nằm ở phía Đông huyện, thuộc địa giới hành chính thị trấn An Lão và các xã: An Hưng, An Tân, An Hòa. Là vùng phát triển đô thị, dịch vụ thương mại và công nghiệp. Định hướng phát triển đô thị, thương mại dịch vụ dọc theo tuyến đường ĐT.629; cải tạo chỉnh trang đô thị An Lão và An Hòa, hình thành đô thị mới An Tân là đô thị loại V; phát triển công nghiệp chế biến lâm sản.

- Phân vùng II: Nằm ở trung tâm huyện, thuộc địa giới hành chính các xã: An Dũng, An Trung, An Vinh, An Quang và An Nghĩa. Là vùng phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng và nông nghiệp dưới tán rừng. Định hướng phát triển mô hình trang trại, nông nghiệp dưới tán rừng; hình thành các trung tâm du lịch sinh thái Hồ Đồng Mít, Thác Giáng Tiên, Trung tâm du lịch văn hóa cộng đồng An Vinh.

- Phân vùng III: Nằm ở phía Tây huyện An Lão, thuộc xã An Toàn. Là vùng bảo tồn sinh thái tự nhiên, phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng và dược liệu. Định hướng phát triển bảo tồn các giá trị thiên nhiên; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và văn hóa cộng đồng, hình thành trung tâm du lịch sinh thái tại An Toàn; phát triển vùng dược liệu dưới tán rừng.

5.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị: Giai đoạn 2021 - 2030, huyện An Lão có 2 đô thị loại V gồm đô thị An Lão và đô thị An Hoà; giai đoạn 2031 - 2035, huyện An Lão có 2 đô thị loại V gồm đô thị An Lão (mở rộng lấy thêm An Tân) và đô thị An Hoà.

5.3. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn: Phát triển các điểm dân cư nông thôn trên cơ sở ổn định hệ thống dân cư hiện có, khoanh vùng phát

triển mở rộng; tập trung phát triển các điểm dân cư ở khu vực trung tâm xã, dọc các trục đường chính của xã và trên cơ sở lấp đầy theo dân cư hiện hữu. Tiếp tục phân đấu để huyện An Lão đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng, nâng cao chất lượng tiêu chí các xã nông thôn mới theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng công nghiệp, hiện đại, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

5.4. Định hướng phát triển công nghiệp: Duy trì và đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp hiện hữu; rà soát, nâng quy mô, mở rộng Cụm công nghiệp Gò Cây Duối để đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư.

5.5. Định hướng phát triển du lịch: Kết nối du lịch huyện An Lão với không gian du lịch tỉnh Quảng Ngãi, huyện Vĩnh Thạnh (thông qua tuyến đường QL19B) và không gian du lịch ven biển thông qua tuyến đường kết nối Hoài Sơn - An Vĩnh. Hình thành tuyến du lịch dựa trên các tuyến đường giao thông chính kết nối các điểm du lịch thị trấn An Lão, hồ Sông Vô, thác Đá Ghe, Khu du lịch Hồ Đồng Mít, làng văn hóa cộng đồng An Vĩnh, Khu du lịch An Toàn (phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm, du lịch văn hóa cộng đồng, khai thác du lịch dưới tán rừng, kết hợp phát triển trồng sim, chè tại An Toàn), khu dự trữ sinh quyển An Toàn, đỉnh ngắm mây, cổng trời, thác Giáng Tiên, hồ Hung Long,...

6. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

6.1. Công trình giáo dục: Phát triển hệ thống trường mầm non, phổ thông phù hợp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa và hiện đại hóa; khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển của huyện; duy trì nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học các cấp; bổ sung trường dạy nghề tại thị trấn An Lão.

6.2. Công trình y tế: Phát triển đồng bộ mạng lưới và cơ sở hạ tầng, vật chất khám chữa bệnh; khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở y tế ngoài công lập. Định hướng mở rộng, cải tạo cơ sở vật chất 08 trạm y tế chưa đạt chuẩn yêu cầu về diện tích tối thiểu, đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

6.3. Công trình văn hóa, thể dục thể thao: Chú trọng giữ gìn, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa của huyện. Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; tăng cường liên kết với ngành du lịch trong phát triển bền vững các dịch vụ văn hóa. Đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng và phát triển thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh. Phát triển hệ thống thiết chế, công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của người dân trên địa bàn. Đầu tư tôn tạo, bảo tồn và phát huy hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia.

6.4. Công trình thương mại: Phát triển chợ và các trung tâm thương mại tại trung tâm huyện, thị trấn. Tổ chức hệ thống các siêu thị ở các trung tâm thị trấn và các khu du lịch. Hoàn chỉnh hệ thống chợ nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện phát triển giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa của người dân.

6.5. Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được lồng ghép trong các chức năng của các cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã... được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

6.6. Định hướng về đảm bảo an ninh quốc phòng: Định hướng quy hoạch xây dựng đảm bảo quỹ đất xây dựng các công trình phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Định hướng giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường QL.19B thực hiện theo định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông quốc gia.

- Tuyến đường ĐT.629 (Hoài Nhơn - An Lão) kết nối từ QL1 tại thị xã Hoài Nhơn đến thị trấn An Lão, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV. Kéo dài tuyến ĐT.629 từ Xuân Phong (An Lão) đến ranh giới tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tuyến đường 5B hiện hữu, xây dựng mới đoạn tuyến tránh ĐT.629 đi qua trung tâm thị trấn An Lão đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV.

- Xây dựng mới các tuyến đường kết nối An Lão - Bồng Sơn (ĐT.629B) đi qua địa bàn xã An Hòa và tuyến đường kết nối Hoài Nhơn - An Vinh (ĐT.638B), đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV.

- Xây dựng cầu An Lão mới, nâng cấp đầu tư các công trình vượt lũ tại các điểm ngập nước.

b) Giao thông đối nội:

- Nâng cấp và bê tông nhựa các tuyến đường huyện; hoàn thiện nâng cấp các tuyến đường huyện quan trọng như ĐH 01 (An Lão - An Vinh), ĐH 02 (An Hòa - An Hưng), ĐH 03 (An Hòa - An Toàn), ĐH 04 (Ba Ghé - An Nghĩa), ĐH 04B (An Hòa - An Hảo Tây), ĐH 05 (An Tân - An Hòa). Bổ sung các tuyến kết nối đường huyện tạo sự liên mạch, rút ngắn khoảng cách giữa các trục giao thông quan trọng (tuyến đường kết nối từ ĐH 01 (An Lão - An Vinh) đi ĐT.629; tuyến đường quanh hồ Đồng Mít; tuyến đường kết nối xã An Vinh đi xã An Nghĩa).

- Giao thông đô thị: Phát triển mạng lưới giao thông đô thị hiện đại, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, lưu thông thuận lợi trong và ngoài đô thị; xây mới và nâng cấp các tuyến đường trục chính đi qua trung tâm thị trấn An Lão, đường nối các khu vực,...; bổ sung, hoàn thiện mạng lưới đường trong đô thị An Hòa đảm bảo mật độ và tính kết nối cao.

- Giao thông nông thôn: Kế thừa và phát triển mạng lưới đường giao thông nông thôn hiện có; đầu tư nâng cấp đảm bảo phục vụ dân sinh và vận chuyển hàng hóa nông, lâm nghiệp; kết nối với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện.

- c) Công trình đầu mối giao thông: Nâng cấp, xây dựng bến xe tại trung tâm các tiểu vùng, các đô thị; quy hoạch bến xe theo định hướng quy hoạch hệ thống

giao thông tỉnh đã được phê duyệt. Xây dựng bãi đậu xe tại các trung tâm khu đô thị, trung tâm xã, các khu du lịch, trung tâm thương mại,... đáp ứng cho nhu cầu phục vụ và phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

7.2. Định hướng phòng chống thiên tai:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho người dân chấp hành nghiêm quy định bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ môi trường; trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, phủ trồng đồi trọc, phòng ngừa lũ quét và sạt lở đất; tăng cường công tác cảnh báo, dự báo bằng việc củng cố và nâng cấp các trạm thủy văn, xây dựng mô hình dự báo lũ; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai và an toàn đập bằng công nghệ tiên tiến; tổ chức cấm mốc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang đê kè, hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

- Không bố trí các điểm dân cư mới nằm trong các vùng sạt lở; không tổ chức xây dựng, khai thác du lịch trên các vùng sườn núi, ven núi, khu vực có nguy cơ sạt lở núi gây mất an toàn.

7.3. Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt:

- Định hướng cao độ nền: Cao độ quy hoạch xây dựng trên cơ sở cao độ nền hiện trạng, từng bước cải tạo, nâng cao 0,3m so với mực nước lũ tính toán phù hợp.

- Định hướng thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước chính phân ra thành 02 lưu vực, toàn bộ khu vực xã An Toàn thoát về lưu vực sông Kôn; khu vực các xã còn lại thoát về lưu vực sông An Lão.

7.4. Định hướng cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn huyện đến năm 2035 khoảng 7.200m³/ngày.đêm. Nguồn cấp nước chính lấy từ nguồn nước mặt trên địa bàn huyện, khai thác nguồn nước từ hồ Đồng Mít và sông An Lão.

- Công trình đầu mối và phân vùng cấp nước: Tiếp tục sử dụng, mở rộng nâng công suất nhà máy nước An Lão, phát triển mạng lưới đường ống cấp nước sạch cho đô thị An Lão, An Hòa, An Tân và các cụm công nghiệp trên địa bàn. Quy mô công suất nhà máy nước và mạng lưới đường ống sẽ xác định cụ thể theo dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong các giai đoạn. Các xã nông thôn, dân cư sống rải rác không thuận lợi cho việc xây dựng nhà máy nước tập trung nên xây dựng các công trình cấp nước quy mô công suất nhỏ khai thác nguồn nước sông An Lão, nước ngầm, nước suối, xử lý hợp vệ sinh phục vụ các cụm, điểm dân cư.

- Về các công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy: Tuân thủ theo quy định Luật Phòng cháy và chữa cháy; QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình và các quy định hiện hành có liên quan.

7.5. Định hướng cấp điện: Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2035 khoảng 40MVA. Nguồn điện cấp cho khu vực giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng nguồn điện

cấp từ trạm 110kV Hoài Nhơn (2X25MVA), đến năm 2030 (25+63MVA) và được bổ sung nguồn từ trạm 110kV Hoài Ân dự kiến (40MVA). Giai đoạn 2030 được cấp điện từ trạm nguồn 110kV An Lão (40MVA). Xây dựng mới và cải tạo các trạm phân phối sử dụng cấp điện áp 22/0,4kV và hệ thống điện chiếu sáng tại các vị trí còn thiếu, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho toàn huyện. Tiếp tục hoạt động 02 nhà máy thủy điện Nước Xáng và Đồng Mít (tổng công suất khoảng 19,5MW) hòa vào lưới điện quốc gia thông qua trạm 110kV Hoài Nhơn (giai đoạn sau thông qua trạm An Lão). Xây dựng mới tuyến điện 110kV mạch kép cấp điện cho trạm 110kV An Lão, tiết diện tối thiểu AC-240.

7.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải: Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng cho khu vực cải tạo, chỉnh trang, ở các khu dân cư thuộc xã, khu dân cư hiện hữu, về dài hạn sử dụng hệ thống thoát nước riêng; tổ chức đi riêng hoàn toàn đối với các khu vực đô thị và các cụm công nghiệp xây dựng mới. Tại các đô thị và các cụm công nghiệp quy hoạch hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất. Đối với các điểm dân cư nông thôn, làng xóm và các khu dân cư phân tán bố trí các trạm xử lý cục bộ; khuyến khích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung cho các xã nông thôn khi đảm bảo điều kiện thuận lợi. Vị trí, quy mô công suất và hệ thống mạng lưới thoát nước thải sẽ được xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng tiếp theo được phê duyệt.

- Quản lý chất thải rắn: Đến năm 2035, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 162 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp khoảng 304 tấn/ngày; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 90-100%, rác thải công nghiệp đạt 100%. Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại khu vực xã An Hưng quy mô khoảng 6,5ha. Mỗi điểm dân cư nông thôn, trung tâm xã xây dựng 01 trạm trung chuyển chất thải rắn.

- Nghĩa trang: Thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn; cải tạo các nghĩa trang hiện trạng đảm bảo môi trường, cảnh quan chung; khoanh vùng, đóng cửa các khu nghĩa địa hiện hữu không phù hợp quy hoạch, từng bước di dời; khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

7.7. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động: Cải tạo và nâng cấp công suất các trạm tổng đài hiện có; từng bước ngầm hóa tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị xây dựng mới. Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin đảm bảo nền tảng phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng số hướng tới xây dựng chính quyền số và quản lý đô thị thông minh.

8. Quy hoạch sản xuất:

- Vùng sản xuất nông nghiệp chính của huyện (chủ yếu trồng lúa nước, các loại cây ngắn ngày như: lạc, ngô, sắn, rau, đậu các loại, dâu nuôi tằm, bưởi da xanh, bơ... ; phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, heo đen, gà thả đồi; phát triển nuôi cá lồng ở hồ Đồng Mít) nằm dọc 2 bên sông An Lão và các nhánh của sông An Lão, gồm một phần đất thuộc các xã: An Hòa, An Tân, An Quang, An Hưng, An Trung, An Dũng, An Vinh và thị trấn An Lão.

- Vùng bảo vệ diện tích rừng đặc dụng An Toàn (khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn) và vùng đệm; phát triển trồng rau, hoa ôn đới và trồng cây dược liệu dưới tán rừng,... gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm, nghỉ dưỡng nằm về phía Tây Nam của huyện.

- Vùng tập trung bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn và trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này làm căn cứ để quản lý quy hoạch, triển khai các bước tiếp theo để cụ thể hóa đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định.

2. Giao UBND huyện An Lão có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức công khai, công bố đồ án quy hoạch, cắm mốc giới ra thực địa, gửi hồ sơ lưu trữ tại các cơ quan liên quan theo quy định; xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi và phù hợp nguồn lực đầu tư của địa phương theo quy định.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, phối hợp với UBND huyện An Lão tổ chức quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Du lịch, Chủ tịch UBND huyện An Lão và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K4, K6, K10, K14.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng